

Số: 355<sup>a</sup> /QĐ-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc chi trả chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên**  
**học kỳ 02, năm học 2024 - 2025**

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐHV ngày 20/11/2024 của Hội Đồng Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét hồ sơ đề nghị miễn, giảm học phí của sinh viên; theo đề nghị của phòng Công tác sinh viên.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Miễn, giảm học phí học kỳ 2 năm học 2024 - 2025 cho 360 sinh viên hệ đại học chính quy tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, trong đó:

- Miễn học phí cho 131 sinh viên.
- Giảm 70% học phí cho 209 sinh viên.
- Giảm 50% học phí cho 20 sinh viên.

(có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Phòng Công tác sinh viên; phòng Đào tạo và HTQT; Văn phòng; các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Lưu VT.



**TS. Nguyễn Hải Đăng**

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025**  
(ban hành kèm quyết định số 355<sup>a</sup> /QĐ-HVTTNVN ngày 29 / 4 /2025 của Giám đốc Học viện)

| TT               | MSV       | Họ đệm           | Tên   | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc | HKTT                                 | Đối tượng                                                        |
|------------------|-----------|------------------|-------|------------|--------|------|---------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| <b>MIỄN 100%</b> |           |                  |       |            |        |      |         |                                      |                                                                  |
| 1                | 202101020 | Lương Khánh      | Hòa   | 14/12/2002 | K10D   | 10   | Thái    | Châu Hoàn, Quý Châu, Nghệ An         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 2                | 202105018 | Lý Anh           | Đào   | 11/11/2002 | K10NN  | 10   | Mông    | Bắc Hà, Bắc Hà, Lào Cai              | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 3                | 202105045 | Đinh Thị         | Khoa  | 27/02/2003 | K10NN  | 10   | Mường   | Văn Sơn, Tân Lạc, Hòa Bình           | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 4                | 202105022 | Lò Thị           | Dung  | 14/11/2003 | K10NN  | 10   | Thái    | Chiềng Sơ, Điện Biên Đông, Điện Biên | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 5                | 202201059 | Lý Văn           | Thắng | 05/02/2002 | K11D   | 11   | Hà Nhi  | Sín Thầu, Mường Nhé, Điện Biên       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 6                | 202201040 | Nguyễn Đức       | Mạnh  | 09/01/2004 | K11D   | 11   | Tày     | Ngọc Long, Yên Minh, Hà Giang        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 7                | 202201049 | Hàng A           | Phông | 16/02/2004 | K11D   | 11   | Mông    | Bản Công, Trạm Tấu, Yên Bái          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 8                | 202201062 | Lò Thị           | Thảo  | 02/05/2004 | K11D   | 11   | Thái    | Khoen On, Than Uyên, Lai Châu        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 9                | 202205061 | Nguyễn Thị Kim   | Nhân  | 06/01/2004 | K11NN1 | 11   | Tày     | Thượng Nông, Na Hang, Tuyên Quang    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 10               | 202205045 | Nguyễn Thị Huyền | Linh  | 03/09/2004 | K11NN1 | 11   | Tày     | Phú Nam, Bắc Mê, Hà Giang            | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 11               | 202205103 | Lường Thị Thu    | Uyên  | 28/05/2004 | K11NN1 | 11   | Thái    | Mường Tè, Văn Hồ, Sơn La             | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 12               | 202205031 | Khoàng Thu       | Hiền  | 01/04/2004 | K11NN1 | 11   | Hà Nhi  | Mù Cà, Mường Tè, Lai Châu            | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 13               | 202205020 | Nông Bích        | Diệp  | 18/10/2004 | K11NN2 | 11   | Tày     | Quang Trung, Trùng Khánh, Cao Bằng   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 14               | 202205102 | Hoàng Thanh      | Tùng  | 03/12/2004 | K11NN2 | 11   | Tày     | Quảng Nguyên, Xín Mần, Hà Giang      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |

| TT | MSV       | Họ đệm         | Tên    | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc    | HKTT                                 | Đối tượng                                                        |
|----|-----------|----------------|--------|------------|--------|------|------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 15 | 202301117 | Đinh Phan Hà   | Vi     | 05/02/2005 | K12D1  | 12   | Mường      | Bờ Y, Ngọc Hồi, Kon Tum              | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 16 | 202301004 | Sầm Thị        | Bắc    | 06/03/2003 | K12D2  | 12   | Thái       | Naộm Mạ, Sin Hồ, Lai Châu            | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 17 | 202305104 | Tô Thị Trà     | My     | 29/12/2005 | K12NN1 | 12   | Tày        | Quảng Hưng, Quảng Hòa, Cao Bằng      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 18 | 202305151 | Hoàng Thị Thu  | Thủy   | 26/07/2005 | K12NN1 | 12   | Nùng       | Bắc Xa, Đình Lập, Lạng Sơn           | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 19 | 202305123 | Phan Thị Minh  | Phương | 30/12/2005 | K12NN3 | 12   | Kinh       | Vân Hà, Ba Vì, Hà Nội                | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |
| 20 | 202305108 | Nông Thị       | Nga    | 01/03/2005 | K12NN3 | 12   | Nùng       | Quang Long, Hạ Lang, Cao Bằng        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 21 | 202305121 | Thào A         | Páo    | 12/08/2005 | K12NN3 | 12   | Mông       | Trung Thu, Tòa Chùa, Điện Biên       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 22 | 202305161 | Đàm Mạnh       | Tường  | 05/10/2005 | K12NN3 | 12   | Nùng       | Đức Long, Thạch An, Cao Bằng         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 23 | 202305022 | Ly Ly          | Chi    | 03/05/2003 | K12NN3 | 12   | La Hủ      | Pa Vệ Sừ, Mường Tè, Lai Châu         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người                 |
| 24 | 202401150 | Nông Thị Lê    | Na     | 26/11/2005 | K13D1  | 13   | Tày        | Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 25 | 202401177 | Vàng Văn       | Quý    | 01/01/2006 | K13D1  | 13   | Thái       | Mường So, Phong Thổ, Lai Châu        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 26 | 202401244 | Y              | Thơ    | 01/02/2006 | K13D2  | 13   | Giê Triêng | Đăk Nhoong, Đăk Glei, Kon Tum        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 27 | 202401055 | Cà Thị         | Điệp   | 06/02/2006 | K13D2  | 13   | Thái       | Chiềng Đông, Tuần Giáo, Điện Biên    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 28 | 202401172 | Nông Thị Thanh | Phượng | 15/10/2006 | K13D2  | 13   | Nùng       | Đức Quang, Hạ Lang, Cao Bằng         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 29 | 202401044 | Sùng Thị       | Dù     | 16/07/2006 | K13D3  | 13   | Mông       | Chiềng Ân, Mường La, Sơn La          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 30 | 202405189 | Triệu Nhật     | An     | 08/09/2006 | K13NN1 | 13   | Tày        | Nam Tuấn, Hòa An, Cao Bằng           | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 31 | 202405178 | Lý Mùi         | Viễn   | 27/02/2006 | K13NN2 | 13   | Dao        | Thông Nguyên, Hoàng Su Phì, Hà Giang | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |

| TT | MSV       | Họ đệm        | Tên    | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc  | HKTT                                     | Đối tượng                                                        |
|----|-----------|---------------|--------|------------|--------|------|----------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 32 | 202405058 | Hồ Văn        | Hồng   | 23/01/2005 | K13NN2 | 13   | Vân Kiều | Linh Trường, Gio Linh, Quảng Trị         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 33 | 202405160 | Lường Thị     | Thương | 13/04/2006 | K13NN2 | 13   | Thái     | Chiềng Ly, Thuận Châu, Sơn La            | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 34 | 202405073 | Nông Thị Thu  | Hương  | 01/10/2006 | K13NN2 | 13   | Nùng     | Quảng Uyên, Quảng Hòa, Cao Bằng          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 35 | 202405139 | Nông Thị Như  | Quỳnh  | 21/03/2006 | K13NN2 | 13   | Nùng     | Nguyễn Huệ, Hòa An, Cao Bằng             | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 36 | 202405182 | Phan Anh      | Võ     | 20/12/2005 | K13NN3 | 13   | Tày      | Hạnh Phúc, Quảng Hòa, Cao Bằng           | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 37 | 202405020 | Nông Thị      | Biếc   | 09/05/2006 | K13NN3 | 13   | Tày      | Cao Thắng, Trùng Khánh, Cao Bằng         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 38 | 202102095 | Bùi Thị       | Tú     | 01/09/2003 | K10TN  | 10   | Mường    | Tuân Đạo, Lạc Sơn, Hòa Bình              | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 39 | 202102019 | Vang Thanh    | Dũng   | 09/07/2003 | K10TN  | 10   | Thái     | Châu Thắng, Quý Châu, Nghệ An            | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 40 | 202102044 | Nông Thị      | Liên   | 06/10/2003 | K10TN  | 10   | Tày      | Quảng Hưng, Quảng Hòa, Cao Bằng          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 41 | 202106057 | Mùi Thị       | Ban    | 01/01/2003 | K10CC1 | 10   | Mường    | Liên Hòa, Vân Hồ, Sơn La                 | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 42 | 202106322 | Đặng Thị Thảo | Sương  | 10/08/2003 | K10CC2 | 10   | Kinh     | Thuận Hạnh, Đắk Song, Đắk Nông           | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 43 | 202106160 | Lưu Tổ        | Huyền  | 31/10/2003 | K10CC4 | 10   | Ngái     | TT Nguyễn Bình, Nguyễn Bình, Cao Bằng    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người                 |
| 44 | 202106089 | Hoàng Thị     | Dung   | 10/05/2002 | K10CC4 | 10   | Nùng     | Xã Hồng Phong, huyện Bình Gia, Lạng Sơn  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 45 | 202106304 | Lê Đức Minh   | Quang  | 08/11/2002 | K10CC5 | 10   | Kinh     | Xã Xuân Phong, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |
| 46 | 202106305 | Lê Thị        | Quý    | 01/06/2003 | K10CC6 | 10   | Kinh     | Xã IaLe, huyện Chư Pưh, Gia Lai          | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 47 | 202006152 | Đặng Đình     | Quyền  | 18/01/2022 | K10CC7 | 10   | Kinh     | Lạch Tray, Ngõ Quyền, Hải Phòng          | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 48 | 202202050 | Ly Na         | Me     | 06/03/2004 | K11TN  | 11   | La Hủ    | xã Bum Tờ, huyện Mường Tè, Lai Châu      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người                 |

| TT | MSV       | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc | HKTT                                      | Đối tượng                                                        |
|----|-----------|-----------------|--------|------------|--------|------|---------|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 49 | 202202048 | Long Thùy       | Ly     | 04/10/2004 | K11TN  | 11   | Tày     | xã Thanh Tương, Na Hang, tỉnh Tuyên Quang | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 50 | 202202075 | Đặng Thị Thanh  | Thảo   | 08/10/2004 | K11TN  | 11   | Dao     | xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, Cao Bằng  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 51 | 202202041 | Đinh Thị Diệu   | Linh   | 13/09/2004 | K11TN  | 11   | Bana    | xã Sơn Lang, huyện Kbang, Gia Lai         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 52 | 202202018 | Lù Thị          | Chương | 11/07/2004 | K11TN  | 11   | Lô Lô   | xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, Hà Giang      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người                 |
| 53 | 202206345 | Sùng Thị        | Sùng   | 27/04/2004 | K11CC1 | 11   | Mông    | xã Chung Chải, huyện Mường Nhé, Điện Biên | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 54 | 202206161 | Sầm Thu         | Hoài   | 23/08/2004 | K11CC1 | 11   | Tày     | Nam Quan, Lộc Bình, Lạng Sơn              | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 55 | 202206220 | Hoàng Thị       | Lanh   | 14/07/2004 | K11CC2 | 11   | Giáy    | TT Đồng Văn, huyện Đồng Văn, Hà Giang     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 56 | 202206209 | Lê Tuấn         | Khiêm  | 10/05/2004 | K11CC5 | 11   | Mường   | TT Lang Chánh, Lang Chánh, Thanh Hóa      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 57 | 202206290 | Trương Thị Kim  | Ngân   | 16/01/2004 | K11CC7 | 11   | Kinh    | P. Bến Tắm, TP. Chí Linh, Hải Dương       | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 58 | 202302042 | Hoàng Văn       | Huy    | 09/10/2004 | K12TN2 | 12   | Nùng    | X. Ngọc Động, Quảng Hòa, Cao Bằng         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 59 | 202302072 | Vù Thị          | Mai    | 24/06/2005 | K12TN2 | 12   | H'mông  | X. Cao Thượng, Ba Bể, Bắc Kạn             | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 60 | 202306086 | Đinh Thị Kim    | Cúc    | 15/11/2005 | K12CC1 | 12   | Bana    | X. Đăk Pling, Kông Chro, Gia Lai          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 61 | 202306134 | Lò Thị          | Hằng   | 14/06/2005 | K12CC1 | 12   | Giáy    | X. Trịnh Tường, Bát Xát, Lào Cai          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 62 | 202306408 | Cao Thị         | Thắm   | 06/12/2005 | K12CC2 | 12   | Mường   | X. Thiết Ống, Bá Thước, Thanh Hóa         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 63 | 202306337 | Lường Thị       | Ngọc   | 15/11/2003 | K12CC2 | 12   | Kinh    | X. Quảng Cư, Sầm Sơn, Thanh Hóa           | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |
| 64 | 202306261 | Nguyễn Thị Thùy | Linh   | 26/12/2005 | K12CC2 | 12   | Kinh    | Đồng Kỵ, Từ Sơn, Bắc Ninh                 | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |
| 65 | 202306498 | Trần Hữu        | Tuệ    | 25/08/2005 | K12CC3 | 12   | Kinh    | Vũ Bản, Bình Lục, Hà Nam                  | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |

| TT | MSV       | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc | HKTT                                | Đối tượng                                                        |
|----|-----------|------------------|--------|------------|--------|------|---------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 66 | 202306467 | Nông Thị Thanh   | Trà    | 20/03/2005 | K12CC3 | 12   | Tày     | X. Chu Hương, Ba Bể, Bắc Kạn        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 67 | 202306501 | Phạm Thị         | Tuyển  | 06/05/2005 | K12CC4 | 12   | Mường   | X. Giao An, Lang Chánh, Thanh Hóa   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 68 | 202306070 | Nông Trí         | Cao    | 30/10/2005 | K12CC7 | 12   | Nùng    | X. Thống Nhất, Hạ Lang, Cao Bằng    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 69 | 202306224 | Nguyễn Diệu      | Linh   | 12/04/2003 | K12CC7 | 12   | Kinh    | Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội              | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |
| 70 | 202306031 | Phan Nguyễn Tâm  | Anh    | 31/01/2005 | K12CC8 | 12   | Kinh    | X. Nghiêm Xuyên, Thường Tín, Hà Nội | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 71 | 202402228 | Vàng Hải         | Yến    | 30/11/2005 | K13TN1 | 13   | Thái    | Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 72 | 202402195 | Thào Văn         | Tiến   | 08/09/2006 | K13TN1 | 13   | Mông    | Trung Lý, Mường Lát, Thanh Hóa      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 73 | 202402216 | Nguyễn Hà        | Vi     | 23/08/2006 | K13TN1 | 13   | Thái    | Thanh Kỳ, Như Thanh, Thanh Hóa      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 74 | 202402175 | Vy Nguyễn Kỳ     | Thanh  | 25/08/2006 | K13TN2 | 13   | Thái    | Hữu Kiệm, Kỳ Sơn, Nghệ An           | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 75 | 202402223 | Phạm Tường       | Vy     | 19/12/2006 | K13TN2 | 13   | Kinh    | Đức Chính, Đông Triều, Quảng Ninh   | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |
| 76 | 202402148 | Nguyễn Thị Trang | Nhung  | 31/01/2006 | K13TN2 | 13   | Tày     | Yên Hoa, Na Hang, Tuyên Quang       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 77 | 202402035 | Đàm Tuấn         | Du     | 02/08/2005 | K13TN3 | 13   | Nùng    | Mai Long, Nguyên Bình, Cao Bằng     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 78 | 202402143 | Hà Ngọc Yến      | Nhi    | 30/08/2006 | K13TN3 | 13   | Mường   | Đồng Sơn, Tân Sơn, Phú Thọ          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 79 | 202402056 | Giàng A          | Hải    | 29/04/2006 | K13TN3 | 13   | Mông    | Mường Lý, Mường Lát, Thanh Hóa      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 80 | 202406075 | Phùng Thị Hồng   | Ngọc   | 19/05/2006 | K13CC2 | 13   | Kinh    | Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội             | Sinh viên mồ côi không quá 22 tuổi                               |
| 81 | 212104218 | Nguyễn Quang     | Nguyên | 11/08/2003 | K10L2  | 10   | Kinh    | Thị trấn Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 82 | 202104290 | Cam Thị          | Thảo   | 01/10/2003 | K10L2  | 10   | Nùng    | Cần Nông, Hà Quảng, Cao Bằng        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 83 | 202104052 | Lò Văn           | Cường  | 19/03/2003 | K10L4  | 10   | Thái    | Xã Nậm Mạ, Sin Hồ, Lai Châu         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |

| TT  | MSV       | Họ đệm          | Tên       | Ngày sinh  | Lớp   | Khóa | Dân tộc | HKTT                               | Đối tượng                                                        |
|-----|-----------|-----------------|-----------|------------|-------|------|---------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 84  | 202104311 | Bàn Thị         | Thúy Tình | 21/06/2003 | K10L5 | 10   | Dao     | Toàn Sơn, Đà Bắc, Hòa Bình         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 85  | 202104066 | Lò Kim          | Đông      | 23/08/2003 | K10L6 | 10   | Mảng    | Vàng San, Mường Tè, Lai Châu       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người                 |
| 86  | 202204284 | Lý Thái         | Ngọc      | 16/01/2004 | K11L2 | 11   | Hà Nhi  | Nậm Ban, Nậm Nhùn, Lai Châu        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 87  | 202204292 | Phạm Hạnh       | Nguyễn    | 22/04/2004 | K11L4 | 11   | Kinh    | Đông Triều, Đông Triều, Quảng Ninh | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 88  | 202204026 | Nguyễn Phương   | Anh       | 17/07/2004 | K11L5 | 11   | Kinh    | Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội            | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 89  | 202304116 | Ngô Thành       | Hiếu      | 06/11/2005 | K12L2 | 12   | Kinh    | Long Hưng, Văn Giang, Hưng Yên     | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |
| 90  | 202304211 | Cầm Văn         | Nam       | 27/09/2000 | K12L2 | 12   | Thái    | Chiềng Ban, Mai Sơn, Sơn La        | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 91  | 202304238 | Đào Yến         | Nhi       | 13/01/2005 | K12L4 | 12   | Kinh    | Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội           | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |
| 92  | 202304121 | Bùi Thị         | Hoài      | 15/04/2005 | K12L1 | 12   | Mường   | Thanh Hối, Tân Lạc, Hòa Bình       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 93  | 202304065 | Lương Vi Tiến   | Đạt       | 04/10/2003 | K12L5 | 12   | Tày     | Đức Long, Hòa An, Cao Bằng         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 94  | 202304198 | Nguyễn Thị      | Mai       | 27/08/2004 | K12L5 | 12   | Kinh    | Quang Trung, An Lão, Hải Phòng     | Sinh viên mồ côi không quá 22 tuổi                               |
| 95  | 202304117 | Nguyễn Ngô Xuân | Hiếu      | 09/05/2005 | K12L2 | 12   | Kinh    | Hoà Tiến, Hưng Hà, Thái Bình       | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |
| 96  | 202404084 | Phùng Minh      | Đức       | 05/04/2004 | K13L6 | 13   | Mường   | Xuân Đài, Tân Sơn, Phú Thọ         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 97  | 202404006 | Bùi Việt Tuấn   | Anh       | 24/08/2006 | K13L6 | 13   | Mường   | Quyết Thắng, Lạc Sơn, Hoà Bình     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 98  | 202404191 | Bùi Thị Thuý    | Linh      | 28/03/2006 | K13L5 | 13   | Mường   | Nhân Mỹ, Tân Lạc, Hoà Bình         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 99  | 202404241 | Lê              | Na        | 02/09/2006 | K13L1 | 13   | Kinh    | Đông Hoàng, Thanh Hoá              | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 100 | 202103095 | Đỗ Thanh        | Tùng      | 26/03/2001 | K10XH | 10   | Kinh    | Tứ Trung, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc    | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |

| TT  | MSV       | Họ đệm         | Tên   | Ngày sinh  | Lớp     | Khóa | Dân tộc | HKTT                                          | Đối tượng                                                        |
|-----|-----------|----------------|-------|------------|---------|------|---------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 101 | 202103031 | Hoàng Thị Thu  | Hằng  | 28/05/2003 | K10XH   | 10   | Nùng    | Cách Linh, Quảng Hòa, Cao Bằng                | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 102 | 202103072 | Lù Kí          | Pư    | 20/05/2003 | K10XH   | 10   | Hà Nhi  | Ka Lăng, Mường Tè, Lai Châu                   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 103 | 202103090 | Đinh Thị       | Tre   | 02/10/2003 | K10XH   | 10   | KDong   | Sơn Liên, Sơn Tây, Quảng Ngãi                 | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 104 | 202103040 | Hoàng Thị      | Huế   | 05/11/2003 | K10XH   | 10   | Tày     | Chu Hương, Ba Bể, Bắc Kạn                     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 105 | 202103082 | Bùi Thị        | Thoa  | 05/07/2003 | K10XH   | 10   | Mường   | Miền Đồi, Lạc Sơn, Hòa Bình                   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 106 | 202207059 | Nguyễn Ngọc    | Huyền | 04/05/2004 | K11TLH1 | 11   | Kinh    | Hàng Mã, Hoàn Kiếm, Hà Nội                    | Sinh viên mồ côi không quá 22 tuổi                               |
| 107 | 202203050 | Phạm Quốc      | Huy   | 30/10/2003 | K11XH1  | 11   | Kinh    | Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội                   | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |
| 108 | 202203004 | Kiều Vân       | Anh   | 01/10/2005 | K11XH1  | 11   | Kinh    | Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội                    | Sinh viên mồ côi không quá 22 tuổi                               |
| 109 | 202303001 | Nguyễn Hoài    | An    | 14/12/2005 | K12XH1  | 12   | Kinh    | Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội                   | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 110 | 202303115 | Bùi Thị        | Quyên | 19/06/2005 | K12XH1  | 12   | Mường   | Điền Quang, Bá Thước, Thanh Hoá               | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo |
| 111 | 202303118 | Phạm Thị Hương | Quỳnh | 12/11/2003 | K12XH1  | 12   | Kinh    | Ngọc Thiện, Tân Yên, Bắc Giang                | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |
| 112 | 202303077 | Nguyễn Thị     | Linh  | 05/06/2004 | K12XH2  | 12   | Kinh    | Xuân Trường, Thọ Xuân, Thanh Hoá              | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |
| 113 | 202303086 | Chu Bá         | Mạnh  | 29/11/2005 | K12XH2  | 12   | Kinh    | Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, Bắc Giang | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 114 | 202303131 | Chu Thị Thu    | Thủy  | 15/06/2005 | K12XH2  | 12   | Kinh    | Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội                   | Thân nhân với người có công với cách mạng                        |
| 115 | 202303030 | Ngô Thùy       | Dương | 26/09/2005 | K12XH3  | 12   | Kinh    | Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội               | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |
| 116 | 202303077 | Nguyễn Huy     | Lâm   | 01/05/2004 | K12TLH3 | 12   | Kinh    | Xóm Mới, Thạch Bình, Hà Tĩnh                  | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |
| 117 | 202403001 | Lê Hương       | An    | 20/05/2006 | K13XH1  | 13   | Kinh    | Thủy Bình, Thái Thụy, Thái Bình               | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                    |

| TT       | MSV        | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Lớp       | Khóa | Dân tộc | HKTT                                       | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|----------|------------|-----------------|--------|------------|-----------|------|---------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 118      | 202303148  | Bùi Văn         | Tú     | 01/11/2005 | K13XH2    | 13   | Kinh    | Gia Hưng, Gia Viễn, Ninh Bình              | Sinh viên mồ côi không quá 22 tuổi                                                                                                                              |
| 119      | 202403237  | Đặng Thị Hồng   | Thắm   | 11/11/2006 | K13XH2    | 13   | Dao     | Hoa Thám, Nguyên Bình, Cao Bằng            | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo                                                                                                |
| 120      | 202403028  | Trịnh Hồng      | Ánh    | 30/11/2003 | K13XH3    | 13   | Kinh    | Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                 | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                                                                                                                   |
| 121      | 202403098  | Vũ Dương        | Hùng   | 11/04/2004 | K13XH3    | 13   | Kinh    | Phúc La, Hà Đông, Hà Nội                   | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                                                                                                                   |
| 122      | 202403173  | Đỗ Trung        | Minh   | 28/10/2002 | K13XH3    | 13   | Kinh    | Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội               | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                                                                                                                   |
| 123      | 202403053  | Trần Thị Huyền  | Diệu   | 04/09/2006 | K13XH3    | 13   | Kinh    | Gia Môn, Phong Bình, Quảng T               | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                                                                                                                   |
| 124      | 202403194  | Đặng Thảo       | Nguyên | 21/07/2006 | K13XH4    | 13   | Kinh    | Đại Đồng, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội | Thân nhân với người có công với cách mạng                                                                                                                       |
| 125      | 202403075  | Nguyễn Thị Bích | Hạnh   | 16/08/2006 | K13XH5    | 13   | Kinh    | Nguyễn Huệ, Đông Triều, Quảng Ninh         | Sinh viên mồ côi không quá 22 tuổi                                                                                                                              |
| 126      | 202403220  | Lương Mạnh      | Quân   | 22/09/2006 | K13XH5    | 13   | Thái    | Quải Tờ, Tuần Giáo, Điện Biên              | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo                                                                                                |
| 127      | 202407091  | Sùng Thanh      | Thúy   | 07/11/2006 | K13TLH1   | 13   | Nùng    | Mường Khương, Mường Khương, Lào Cai        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo                                                                                                |
| 128      | 202407015  | Hờ A            | Cu     | 26/11/2006 | K13TLH1   | 13   | Mông    | Chế Cu Nha, Mù Cang Chải, Yên Bái          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo                                                                                                |
| 129      | 202403073  | Phạm Thị        | Hằng   | 25/08/2006 | K13XH3    | 13   | Kinh    | Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội                | Sinh viên tàn tật, khuyết tật                                                                                                                                   |
| 130      | 2021020060 | Bo Bo Thị Mỹ    | Tâm    | 29/12/2002 | K6TN-PHMN | 6    | Raglai  | Tô Hạp, Khánh Sơn, Khánh Hòa               | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo                                                                                                |
| 131      | 2024020122 | Ngô Thị Minh    | Anh    | 02/09/2006 | K13L-PHMN | 13   | Tày     | Ta Lâu, Chư Prông, Gia Lai                 | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo                                                                                                |
| MIỄN 70% |            |                 |        |            |           |      |         |                                            |                                                                                                                                                                 |
| 1        | 202101016  | Lý Thị Kim      | Hằng   | 15/11/2003 | K10D      | 10   | Dao     | Tân Tiến, Bảo Yên, Lào Cai                 | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |



| TT | MSV       | Họ đệm         | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Khóa | Dân tộc | HKTT                             | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|----|-----------|----------------|-------|------------|-------|------|---------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | 202101007 | Hà Thị         | Chi   | 19/01/2003 | K10D  | 10   | Mường   | Cư Pui, Krông Bông, Đắk Lắk      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 3  | 202101012 | Bùi Quý        | Dương | 24/10/2003 | K10D  | 10   | Mường   | Đú Sáng, Kim Bôi, Hòa Bình       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 4  | 202101006 | Lương Tiến     | Cầm   | 23/10/2003 | K10D  | 10   | Tày     | Thượng Nung, Võ Nai, Thái Nguyên | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 5  | 202101025 | Triệu Kim      | Hùng  | 24/05/2002 | K10D  | 10   | Dao     | Yên Lạc, Nguyên Bình, Cao Bằng   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 6  | 202101060 | Nguyễn Y Thanh | Thảo  | 09/04/2003 | K10D  | 10   | Dê      | Đăk Plô, Đăk Glei, Kom Tum       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 7  | 202105014 | Chá A          | Chung | 03/02/2002 | K10NN | 10   | Mông    | Xuân Lao, Mường Ảng, Điện Biên   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 8  | 202105010 | Bàn Hữu        | Bảo   | 01/02/1999 | K10NN | 10   | Dao     | Năng Khả, Na Hang, Tuyên Quang   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 9  | 202105036 | Nông Văn       | Hưng  | 08/08/2003 | K10NN | 10   | Tày     | Hữu Kiên, Chi Lăng, Lạng Sơn     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 10 | 202105079 | Bùi Diệu       | Quỳnh | 04/11/2003 | K10NN | 10   | Mường   | Đú Sáng, Kim Bôi, Hòa Bình       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 11 | 202105100 | Mông Thị Như   | Thùy  | 04/01/2003 | K10NN | 10   | Tày     | Pác Miếu, Bảo Lâm, Cao Bằng      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT | MSV       | Họ đệm         | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Khóa | Dân tộc    | HKTT                           | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|----|-----------|----------------|--------|------------|-------|------|------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12 | 202105106 | Hà Mạnh        | Tuấn   | 08/11/2003 | K10NN | 10   | Tày        | Tân Minh, Đà Bắc, Hòa Bình     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 13 | 202105102 | Hồ Văn         | Tiền   | 26/11/2002 | K10NN | 10   | Vân Kiều   | Vĩnh Hà, Vĩnh Linh, Quảng Trị  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 14 | 202105085 | Khà Ngọc       | Sơn    | 06/10/2003 | K10NN | 10   | Thái       | Bao La, Mai Châu, Hòa Bình     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 15 | 202201064 | A Tùy          | Thiện  | 04/01/2004 | K11D  | 11   | Giê Triêng | Đăk Plo, Đăk Glei, Kon Tum     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 16 | 202201054 | Khang A        | Sây    | 06/09/2004 | K11D  | 11   | Mông       | Cao Phạ, Mù Cang Chải, Yên Bái | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 17 | 202201009 | Nguyễn Văn     | Chí    | 10/11/2004 | K11D  | 11   | Nùng       | Phú Nam, Bắc Mê, Hà Giang      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 18 | 202201048 | Nông Huyền     | Nương  | 16/11/2023 | K11D  | 11   | Tày        | Lê Lai, Thạch An, Cao Bằng     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 19 | 202201050 | Hoàng Thị Bích | Phượng | 01/10/2003 | K11D  | 11   | Giáy       | Đồng Minh, Yên Minh, Hà Giang  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 20 | 202201057 | Phàn Ngọc      | Sơn    | 24/04/2004 | K11D  | 11   | Dao        | Sùng Trà, Mèo Vạc, Hà Giang    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 21 | 202201012 | Giàng A        | Cu     | 06/06/2004 | K11D  | 11   | Mông       | Chế Tạo, Mù Cang Chải, Yên Bái | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT | MSV       | Họ đệm      | Tên    | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc | HKTT                              | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|----|-----------|-------------|--------|------------|--------|------|---------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 22 | 202201035 | Vi Thị Thùy | Linh   | 29/12/2004 | K11D   | 11   | Thái    | Mỹ Lý, Kỳ Sơn, Nghệ An            | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 23 | 202201037 | Lý Tiểu     | Long   | 15/06/2002 | K11D   | 11   | Mông    | Ma Thi Hồ, Mường Chà, Điện Biên   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 24 | 202201018 | Nịnh Văn    | Dũng   | 17/02/2004 | K11D   | 11   | Cao Lan | Đèo Gia, Lục Ngạn, Bắc Giang      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 25 | 202201011 | Quảng Văn   | Công   | 02/01/2004 | K11D   | 11   | Thái    | Chiềng Đông, Tuần Giáo, Điện Biên | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 26 | 202201029 | Sùng A      | Khua   | 06/11/2004 | K11D   | 11   | Mông    | Làng Mô, Sìn Hồ, Lai Châu         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 27 | 202205107 | Đinh Thị Hà | Vy     | 06/10/2004 | K11NN1 | 11   | Mường   | Song Pe, Bắc Yên, Sơn La          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 28 | 202205067 | Tòng Văn    | Phòng  | 06/08/2004 | K11NN1 | 11   | Thái    | Quài Tờ, Tuần Giáo, Điện Biên     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 29 | 202205071 | Quách Nam   | Phương | 15/11/2003 | K11NN1 | 11   | Mường   | Thượng Cốc, Lạng Sơn, Hòa Bình    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 30 | 202205091 | Lăng Văn    | Thụ    | 10/09/2004 | K11NN2 | 11   | Nùng    | Hồng Thái, Bình Gia, Lạng Sơn     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 31 | 202205076 | Lường Thị   | Quỳnh  | 09/08/2004 | K11NN2 | 11   | Thái    | Bao La, Mai Châu, Hòa Bình        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT | MSV       | Họ đệm       | Tên   | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc | HKTT                              | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|----|-----------|--------------|-------|------------|--------|------|---------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 32 | 202205082 | Hồ A         | Thành | 13/02/2004 | K11NN2 | 11   | Mông    | Làng Nhì, Trạm Tấu, Yên Bái       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 33 | 202205028 | Lò Thị       | Hà    | 08/12/2003 | K11NN2 | 11   | Thái    | Chiềng Đông, Tuần Giáo, Điện Biên | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 34 | 202205080 | Bế Phương    | Thanh | 08/10/2004 | K11NN2 | 11   | Nùng    | Phúc Sen, Quảng Hòa, Cao Bằng     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 35 | 202205058 | Lương Hà Đức | Nghĩa | 17/07/2003 | K11NN2 | 11   | Tày     | Lý Bôn, Bảo Lâm, Cao Bằng         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 36 | 202205104 | Chu Á        | Vinh  | 10/11/2003 | K11NN2 | 11   | Hà Nhi  | Sen Thượng, Mường Nhé, Điện Biên  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 37 | 202301023 | Tòng Thị Hải | Duyên | 26/09/2005 | K12D1  | 12   | Thái    | Chiềng Đông, Tuần Giáo, Điện Biên | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 38 | 202301017 | Lò Minh      | Đức   | 27/12/2005 | K12D1  | 12   | Thái    | Chiềng Chăn, Mai Sơn, Sơn La      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 39 | 202301107 | Nông Văn     | Tú    | 07/04/2005 | K12D1  | 12   | Nùng    | Vinh Quý, Hạ Lang, Cao Bằng       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 40 | 202301033 | Lê Thu       | Hiền  | 22/11/2005 | K12D1  | 12   | Dao     | Bảo Hà, Bảo Yên, Lào Cai          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 41 | 202301011 | Ly Trung     | Đại   | 11/03/2005 | K12D1  | 12   | Mông    | Thào Chư Phìn, Si Ma Cai, Lào Cai | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT | MSV        | Họ đệm        | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Khóa | Dân tộc | HKTT                            | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|----|------------|---------------|-------|------------|-------|------|---------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 42 | 202301079  | Lò Văn        | Quang | 14/05/2005 | K12D1 | 12   | Thái    | Chiềng La, Thuận Châu, Sơn La   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 43 | 202301003  | Cồ Thị Phương | Anh   | 03/09/2005 | K12D1 | 12   | Mông    | Ngũ Chỉ Sơn, Sapa, Lào Cai      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 44 | 202301008  | Phùng Cẩm     | Chính | 28/10/2003 | K12D2 | 12   | Mường   | Mường Bang, Phù Yên, Sơn La     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 45 | 0353651920 | Phàn Xa       | Sen   | 28/10/2005 | K12D2 | 12   | Dao     | Hoang Thèn, Phong Thổ, Lai Châu | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 46 | 202301020  | Lý Hoàng      | Dương | 09/09/2005 | K12D2 | 12   | Mông    | Pa Cheo, Bát Xát, Lào Cai       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 47 | 202301010  | A             | Công  | 14/11/2005 | K12D2 | 12   | Xê Đăng | Đăk Sao, Tu Mơ Rông, KonTum     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 48 | 202301014  | Hoàng Minh    | Đức   | 01/01/2005 | K12D2 | 12   | Tày     | Phan Thanh, Lục Yên, Yên Bái    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 49 | 202301036  | Pờ Lý         | Hiệu  | 14/06/2005 | K12D2 | 12   | Hà Nhì  | Can Hồ, Mường Tè, Lai Châu      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 50 | 202301062  | Bùi Thị Hiền  | Lương | 18/09/2005 | K12D2 | 12   | Tày     | Sơn Thành, Na Rì, Bắc Kạn       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 51 | 202301030  | Vương Thị     | Hạnh  | 28/08/2005 | K12D2 | 12   | Mông    | Tả Ván, Quán Bạ, Hà Giang       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT | MSV       | Họ đệm       | Tên   | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc  | HKTT                                 | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|----|-----------|--------------|-------|------------|--------|------|----------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 52 | 202301112 | Lường Quốc   | Tuấn  | 18/04/2005 | K12D2  | 12   | Xinh Mun | Chiềng Sơ, Điện Biên Đông, Điện Biên | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 53 | 202305129 | Mùi Huy      | Quốc  | 15/08/2005 | K12NN1 | 12   | Mường    | Tân Hợp, Mộc Châu, Sơn La            | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 54 | 202305170 | Lý Thị Hải   | Yến   | 27/02/2005 | K12NN3 | 12   | Dao      | Ngam La, Yên Minh, Hà Giang          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 55 | 202305070 | Vi Quang     | Huy   | 11/04/2005 | K12NN3 | 12   | Thái     | Liên Hòa, Vân Hồ, Sơn La             | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 56 | 202305143 | Nông Hương   | Thảo  | 21/08/2000 | K12NN3 | 12   | Tày      | Kim Đồng, Tràng Định, Lạng Sơn       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 57 | 202305096 | Lò Cẩm       | Ly    | 28/08/2005 | K12NN3 | 12   | Thái     | Chiềng Khoong, Sông Mã, Sơn La       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 58 | 202305106 | Đinh Việt    | Nam   | 16/10/2003 | K12NN3 | 12   | Mường    | Phú Vinh, Tân Lạc, Hòa Bình          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 59 | 202401168 | Trần Hoàng   | Phúc  | 08/04/2006 | K13D1  | 13   | Tày      | Quang Trọng, Thạch An, Cao Bằng      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 60 | 202401090 | Lò Thị Khánh | Huyền | 11/10/2006 | K13D1  | 13   | Khơ Mú   | Chiềng Ngâm, Thuận Châu, Sơn La      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 61 | 202401135 | Sùng Thanh   | Mai   | 05/10/2006 | K13D1  | 13   | H'Mông   | Tả Ngải Chồ, Mường Khương, Lào Cai   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT | MSV       | Họ đệm         | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Khóa | Dân tộc | HKTT                              | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|----|-----------|----------------|-------|------------|-------|------|---------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 62 | 202401156 | Phan Văn       | Nhu   | 16/03/2006 | K13D1 | 13   | Giáy    | Tát Ngà, Mèo Vạc, Hà Giang        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 63 | 202401042 | Thào A         | Đê    | 10/02/2005 | K13D1 | 13   | Mông    | Phan Si Păng, Sapa, Lào Cai       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 64 | 202401208 | Phạm Thu       | Thùy  | 17/07/2006 | K13D2 | 13   | Mường   | Thạch Lập, Ngọc Lặc, Thanh Hóa    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 65 | 202401187 | Sùng Mí        | Say   | 12/08/2006 | K13D2 | 13   | H'Mông  | Lũng Phìn, Đông Văn, Hà Giang     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 66 | 202401202 | Tòng Hoài      | Thế   | 01/04/2006 | K13D2 | 13   | Thái    | Chiềng Đông, Tuần Giáo, Điện Biên | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 67 | 202401235 | Liêu Thị Kim   | Xuân  | 30/07/2006 | K13D2 | 13   | Tày     | Bằng Lãng, Chợ Đồn, Bắc Kạn       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 68 | 202401028 | Bùi Đình Hoàng | Châu  | 22/11/2006 | K13D2 | 13   | Mường   | Sơn Thủy, Mai Châu, Hòa Bình      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 69 | 202401232 | Nông Khánh     | Vy    | 17/01/2006 | K13D2 | 13   | Nùng    | Phúc Sen, Quảng Hòa, Cao Bằng     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 70 | 202401205 | Sầm Ngọc       | Thịnh | 19/02/2006 | K13D2 | 13   | Tày     | Quảng Lâm, Bảo Lâm, Cao Bằng      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 71 | 202401094 | Tần Sơn        | Huỳnh | 26/01/2006 | K13D2 | 13   | Dao     | Bát Đại Sơn, Quán Bạ, Hà Giang    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT | MSV       | Họ đệm     | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Khóa | Dân tộc | HKTT                              | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|----|-----------|------------|-------|------------|-------|------|---------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 72 | 202401037 | Hàng Tiến  | Công  | 11/07/2006 | K13D2 | 13   | Mông    | Pa Vây Sừ, Phong Thổ, Lai Châu    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 73 | 202401076 | Hà Đức     | Hòa   | 04/01/2006 | K13D2 | 13   | Mường   | Kim Thượng, Tân Sơn, Phú Thọ      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 74 | 202401223 | Lù Minh    | Tuấn  | 02/03/2004 | K13D2 | 13   | Nùng    | Thu Tà, Xín Mần, Hà Giang         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 75 | 202401102 | Hà Nam     | Khánh | 27/10/2006 | K13D1 | 13   | Mường   | Kim Thượng, Tân Sơn, Phú Thọ      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 76 | 202401248 | Nguyễn Văn | Luật  | 21/07/2006 | K13D1 | 13   | Tày     | Thượng Nông, Na Hang, Tuyên Quang | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 77 | 202401140 | Hồ A       | Minh  | 19/02/2006 | K13D3 | 13   | H'Mông  | Mường Đồn, Điện Biên, Điện Biên   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 78 | 202401101 | Giàng A    | Khánh | 10/12/2006 | K13D3 | 13   | H'Mông  | Kim Nội, Mù Cang Chải, Yên Bái    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 79 | 201401056 | Giàng Xuân | Điệp  | 11/05/2006 | K13D3 | 13   | H'Mông  | Lạc Nông, Bắc Mê, Hà Giang        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 80 | 202401053 | Hùng Hải   | Đăng  | 29/11/2006 | K13D3 | 13   | H'Mông  | Sùng Thái, Yên Minh, Hà Giang     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 81 | 202401059 | Hoàng Thu  | Đông  | 03/02/2006 | K13D3 | 13   | Tày     | Bằng Phúc, Chợ Đồn, Bắc Kạn       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT | MSV       | Họ đệm        | Tên   | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc | HKTT                               | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|----|-----------|---------------|-------|------------|--------|------|---------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 82 | 202401209 | Nông Lệ       | Thủy  | 10/10/2006 | K13D3  | 13   | Tày     | Chí Viễn, Trùng Khánh, Cao Bằng    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 83 | 202401113 | Triệu Phúc    | Lâm   | 22/06/2005 | K13D3  | 13   | Dao     | Bạch Xa, Hàm Yên, Tuyên Quang      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 84 | 202401125 | Sùng Quang    | Linh  | 29/05/2006 | K13D3  | 13   | H'Mông  | Tả Ngải Chồ, Mường Khương, Lào Cai | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 85 | 202401038 | Nông Thị      | Cúc   | 28/05/2006 | K13D3  | 13   | Tày     | Vĩnh Quang, Bảo Lâm, Cao Bằng      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 86 | 202401203 | Liêu Quốc     | Thịnh | 01/10/2006 | K13D3  | 13   | Nùng    | Ngũ Lão, Hòa An, Cao Bằng          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 87 | 202401206 | Đặng Thị Ngân | Thoa  | 21/12/2006 | K13D3  | 13   | Dao     | Hưng Đạo, Nguyên Bình, Cao Bằng    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 88 | 202405150 | Triệu Phúc    | Thăng | 23/01/2006 | K13NN1 | 13   | Dao     | Nậm Dang, Văn Bàn, Lào Cao         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 89 | 202405177 | Lò Thị Yến    | Vi    | 07/07/2006 | K13NN1 | 13   | Thái    | Nậm Hàng, Nậm Nhùn, Lai Châu       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 90 | 202405003 | Chang Đức     | Anh   | 23/08/2006 | K13NN1 | 13   | Mông    | Sính Phình, Tủa Chùa, Điện Biên    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 91 | 202405159 | Quảng Văn     | Thư   | 20/08/2005 | K13NN1 | 13   | Thái    | Mường É, Thuận Châu, Sơn La        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT  | MSV       | Họ đệm         | Tên   | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc | HKTT                                  | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|-----|-----------|----------------|-------|------------|--------|------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 92  | 202405046 | Cà Thị         | Hải   | 05/09/2005 | K13NN2 | 13   | Thái    | Mường Bám, Thuận Châu, Sơn La         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 93  | 202405124 | Hoàng Thiên    | Như   | 08/10/2006 | K13NN2 | 13   | Thái    | Chiềng Dong, Mai Sơn, Sơn La          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 94  | 202405121 | Khoảng Thị Yến | Nhi   | 29/11/2006 | K13NN2 | 13   | Thái    | Nậm Hàng, Nậm Nhùn, Lai Châu          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 95  | 202405079 | Quách Công     | Khang | 23/02/2006 | K13NN2 | 13   | Mường   | Quang Minh, Vân Hồ, Sơn La            | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 96  | 202405136 | Đình Lệ        | Quyên | 29/01/2006 | K13NN2 | 13   | Mường   | Song Pe, Bắc Yên, Sơn La              | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 97  | 202405109 | Triệu Ánh      | Ngà   | 06/12/2006 | K13NN2 | 13   | Dao     | Đề Thám, Tráng Định, Lạng Sơn         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 98  | 202405190 | Vàng Láo       | Lỡ    | 21/12/2006 | K13NN2 | 13   | Dao     | A Mú Sung, Bát Xát, Lào Cai           | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 99  | 202405086 | Bùi Khánh      | Linh  | 13/05/2006 | K13NN3 | 13   | Mường   | Vũ Bình, Lạc Sơn, Hòa Bình            | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 100 | 202405080 | Nông Nhật      | Khánh | 26/04/2006 | K13NN3 | 13   | Tày     | thị trấn Đình Lập, Đình Lập, Lạng Sơn | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 101 | 202102027 | Sầm Mai        | Hoa   | 07/05/2003 | K10TN  | 10   | Nùng    | Hữu Vĩnh, Yên Minh, Hà Giang          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT  | MSV       | Họ đệm       | Tên    | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc | HKTT                                     | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|-----|-----------|--------------|--------|------------|--------|------|---------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 102 | 202102029 | Tòng Minh    | Hòa    | 07/07/2003 | K10TN  | 10   | Thái    | xã Mường Báng, Tủa Chùa, Điện Biên       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 103 | 202102072 | Hoàng Trường | Sơn    | 25/11/2002 | K10TN  | 10   | Tày     | Hung Thịnh, Bảo Lạc, Cao Bằng            | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 104 | 202102088 | Lò Văn       | Tiến   | 22/03/2003 | K10TN  | 10   | Thái    | Mường Thín, Tuần Giáo, Điện Biên         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 105 | 202102087 | Nguyễn Thị   | Thùy   | 17/02/2001 | K10TN  | 10   | Tày     | X. Hữu Lân, Lộc Bình, Lạng Sơn           | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 106 | 202002025 | Nông Thị     | Khuyên | 05/08/2002 | K10TN  | 10   | Nùng    | X. Vĩnh Quý, Hạ Lang, Cao Bằng           | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 107 | 202106183 | Hứa Văn      | Lâm    | 09/06/2003 | K10CC3 | 10   | Nùng    | X. Biên Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 108 | 202006019 | Phùng Hồng   | Ánh    | 01/01/2002 | K10CC6 | 10   | Nùng    | X. Trung Tâm, Lục Yên, Yên Bái           | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 109 | 202106170 | Lý Tiến      | Huỳnh  | 21/08/2003 | K10CC7 | 10   | Tày     | Ngâm Đăng Vài 2, Hoàng Su Phì, Hà Giang  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 110 | 202106327 | Mùi Thị      | Tâm    | 17/06/2002 | K10CC7 | 10   | Mường   | Xã Song Khùa, huyện Vân Hồ, Sơn La       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 111 | 202202020 | Hà Tú        | Đạt    | 09/05/2004 | K11TN  | 11   | Thái    | TT Mường Lát, huyện Mường Lát, Thanh Hóa | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT  | MSV       | Họ đệm          | Tên   | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc | HKTT                                  | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|-----|-----------|-----------------|-------|------------|--------|------|---------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 112 | 202202071 | Đậu Thị Thu     | Quỳnh | 23/03/2004 | K11TN  | 11   | Thái    | xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn, Sơn La      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 113 | 202203040 | Triệu Thanh     | Hiếu  | 02/08/2003 | K11TN  | 11   | Dao     | X. Vĩnh Tiến, Kim Bôi, Hòa Bình       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 114 | 202202047 | Bùi Thanh       | Lợi   | 27/07/2004 | K11TN  | 11   | Mường   | xã Tuân Đạo, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 115 | 202206271 | Tần Tả          | Mẫy   | 30/07/2004 | K11CC1 | 11   | Dao     | Tòng Sánh, Bát Xát,, Lào Cai          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 116 | 202206184 | Hoàng Liễu Minh | Hường | 29/07/2004 | K11CC6 | 11   | Tày     | xã Thắm Dương, huyện Văn Bàn, Lào Cai | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 117 | 202206185 | Ngọc Thúy       | Hường | 18/11/2004 | K11CC7 | 11   | Mường   | Mô Rai, Sa Thầy, Kon Tum              | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 118 | 202206154 | La Văn          | Hiệp  | 25/01/2002 | K11CC7 | 11   | Giáy    | Niêm Sơn, Mèo Vạc, Hà Giang           | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 119 | 202302117 | Bế Minh         | Thư   | 26/09/2004 | K12TN1 | 12   | Tày     | Đức Xuân, Thạch An, Cao Bằng          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 120 | 202302035 | Nguyễn Chang    | Hiếu  | 19/01/2005 | K12TN1 | 12   | Dao     | Thèn Sin, Tam Đường, Lai Châu         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 121 | 202302121 | Lò Thị Thanh    | Tiền  | 29/09/2005 | K12TN1 | 12   | Thái    | Chiềng Sinh, Tuần Giáo, Điện Biên     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT  | MSV       | Họ đệm      | Tên   | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc | HKTT                              | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|-----|-----------|-------------|-------|------------|--------|------|---------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 122 | 202302004 | Cao Hải     | Anh   | 30/09/2005 | K12TN2 | 12   | Nùng    | Hữu Vĩnh, Yên Minh, Hà Giang      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 123 | 202302134 | Lý Thị      | Xinh  | 20/04/2005 | K12TN2 | 12   | H'mông  | Sơn Bình, Tam Đường, Lai Châu     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 124 | 202302060 | Bùi Thu     | Linh  | 15/09/2005 | K12TN2 | 12   | Mường   | X. Song Khùa, Vân Hồ, Sơn La      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 125 | 202302096 | Phùng Ngọc  | Nhi   | 12/05/2005 | K12TN2 | 12   | Tày     | Yến Lạc, Na Rì, Bắc Kạn           | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 126 | 202306221 | Bùi Ngọc    | Lan   | 22/07/2005 | K12CC1 | 12   | Mường   | Lỗ Sơn, Tân Lạc, Hòa Bình         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 127 | 202306275 | Chào Láo    | Lở    | 06/08/2005 | K12CC1 | 12   | Dao     | Tòng Sánh, Bát Xát, Lào Cai       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 128 | 202306468 | Ma Thị Ngọc | Trà   | 22/06/2005 | K12CC1 | 12   | Tày     | Minh Quang, Lâm Bình, Tuyên Quang | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 129 | 202306500 | Quảng Văn   | Tuyển | 26/07/2005 | K12CC1 | 12   | Thái    | Mường Khiêng, Thuận Châu, Sơn La  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 130 | 202306116 | Sin Nguyên  | Giang | 21/04/2005 | K12CC2 | 12   | Nùng    | Cốc Pài, Xín Mần, Hà Giang        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 131 | 202306252 | Lò Thị Mỹ   | Linh  | 23/08/2005 | K12CC2 | 12   | Thái    | X. Nà Nghị, Sông Mã, Sơn La       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT  | MSV       | Họ đệm         | Tên   | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc | HKTT                           | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|-----|-----------|----------------|-------|------------|--------|------|---------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 132 | 202306129 | Vàng Đức       | Hải   | 17/02/2005 | K12CC3 | 12   | Thái    | Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 133 | 202306217 | Phạm Hà Phương | Lan   | 26/04/2005 | K12CC3 | 12   | Thái    | Trung Sơn, Quan Hóa, Thanh Hóa | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 134 | 202306487 | Lường Thùy     | Trang | 12/02/2005 | K12CC5 | 12   | Tày     | X. Vân An, Chi Lăng, Lạng Sơn  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 135 | 202306447 | Vũ Duy         | Thuận | 12/07/2005 | K12CC8 | 12   | Tày     | X. Bộc Pồ, Pác Nặm, Bắc Kạn    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 136 | 202402057 | Sùng Thị       | Hạnh  | 19/06/2006 | K13TN1 | 13   | Mông    | Thạch Lâm, Bảo Lâm, Cao Bằng   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 137 | 202402093 | Nông Thị Diệp  | Lan   | 15/01/2006 | K13TN1 | 13   | Nùng    | Bảo Lâm, Cao Lộc, Lạng Sơn     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 138 | 202402117 | Đặng Khánh     | Lượng | 30/08/2006 | K13TN1 | 13   | Nùng    | Phúc Khánh, Bảo Yên, Lào Cai   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 139 | 202402136 | Tòng Văn       | Nghĩa | 29/11/2006 | K13TN2 | 13   | Thái    | Quài Nưa, Tuần Giáo, Điện Biên | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 140 | 202402172 | Mùng Kim       | Thạch | 19/01/2006 | K13TN2 | 13   | Nùng    | Đồng Văn, Đồng Văn, Hà Giang   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 141 | 202402031 | Ly Văn         | Đế    | 13/03/2006 | K13TN2 | 13   | Mông    | Pù Nhi, Mường Lát, Thanh Hóa   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT  | MSV       | Họ đệm        | Tên   | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc | HKTT                            | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|-----|-----------|---------------|-------|------------|--------|------|---------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 142 | 202402070 | Nguyễn Thị    | Hoan  | 01/11/2006 | K13TN2 | 13   | Tày     | Hữu Lân, Lộc Bình, Lạng Sơn     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 143 | 202402100 | Hoàng Thị     | Linh  | 27/09/2006 | K13TN2 | 13   | Tày     | Ia Rvê, Ea Súp, Đắk Lắk         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 144 | 202402224 | Bàn Thanh     | Xuân  | 06/02/2006 | K13TN3 | 13   | Dao     | Hồ Thầu, Hoàng Su Phì, Hà Giang | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 145 | 202402005 | Lương Thị Vân | Anh   | 07/02/2006 | K13TN3 | 13   | Nùng    | Thái Cường, Thạch An, Cao Bằng  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 146 | 202402053 | Triệu Thị Thu | Hà    | 10/07/2005 | K13TN3 | 13   | Dao     | Tân Lập, Bắc Quang, Hà Giang    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 147 | 202402170 | Nông Diêu     | Tâm   | 30/05/2005 | K13TN3 | 13   | Tày     | Đồng Khê, Thạch An, Cao Bằng    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 148 | 202406065 | Lường Thị     | Mơ    | 03/06/2005 | K13CC2 | 13   | Thái    | Tô Múa, Vân Hồ, Sơn La          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 149 | 202104050 | Lường Thị     | Cúc   | 26/02/2003 | K10L2  | 10   | Thái    | Tô Múa, Vân Hoà Sơn La          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 150 | 202104136 | Bùi Thị Khánh | Huyền | 28/11/2003 | K10L4  | 10   | Mường   | Hợp Phong, Cao Phong, Hòa Bình  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 151 | 202104114 | Đàm Thị       | Hội   | 15/11/2002 | K10L6  | 10   | Tày     | Phù Ngọc, Hà Quảng, Cao Bằng    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT  | MSV       | Họ đệm        | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Khóa | Dân tộc | HKTT                            | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|-----|-----------|---------------|--------|------------|-------|------|---------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 152 | 202104048 | Chang A       | Chùa   | 17/10/2003 | K10L6 | 10   | Mông    | Mường Báng, Tủa Chùa, Điện Biên | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 153 | 202204327 | Đinh Văn      | Son    | 20/10/2002 | K11L1 | 11   | Tày     | Hạnh Phúc, Quảng Hòa, Cao Bằng  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 154 | 202204144 | Lèo Thị Thùy  | Huế    | 18/04/2004 | K11L4 | 11   | Nùng    | Thiện Long, Bình Gia, Lạng Sơn  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 155 | 202204071 | Thò Ngọc      | Dinh   | 22/09/2004 | K11L3 | 11   | H'Mông  | Lưu Kiên, Tương Dương, Nghệ An  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 156 | 202204072 | Giàng Thị     | Dính   | 12/09/2004 | K11L4 | 11   | H'Mông  | Lũng Phìn, Đồng Văn, Hà Giang   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 157 | 202204218 | Hoàng Thị Mỹ  | Linh   | 15/10/2004 | K11L4 | 11   | Nùng    | Xuân Dương, Na Rì, Bắc Kạn      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 158 | 202204133 | Giàng A       | Hồ     | 25/10/2004 | K11L6 | 11   | H'Mông  | Mường Bằng, Mai Sơn, Sơn La     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 159 | 202304162 | La Thị        | Kim    | 20/02/2005 | K12L1 | 12   | Tày     | Kim Đồng, Trảng Định, Lạng Sơn  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 160 | 202304266 | Quảng Thị Mai | Phương | 08/09/2005 | K12L1 | 12   | Thái    | Bản Xôm, Mường Lói, Điện Biên   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 161 | 202304204 | Phùng Ngọc    | Minh   | 10/02/2005 | K12L2 | 12   | Dao     | Sùng Máng, Mèo Vạc, Hà Giang    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT  | MSV       | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Khóa | Dân tộc | HKTT                                                         | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|-----|-----------|-----------------|--------|------------|-------|------|---------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 162 | 202304146 | Nông Tuấn       | Khanh  | 17/02/2005 | K12L1 | 12   | Tày     | Lý Quốc, Hạ Lang, Cao Bằng                                   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 163 | 202304088 | Giàng Thanh     | Giang  | 08/02/2005 | K12L5 | 12   | Mông    | Bạch Ngọc, Vị Xuyên, Hà Giang                                | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 164 | 202304262 | Lò Thị          | Phương | 04/11/2003 | K12L4 | 12   | Thái    | Muối Nội, Thuận Châu, Sơn La                                 | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 165 | 202304286 | Tẩn Minh        | Sơn    | 27/02/2005 | K12L6 | 12   | Dao     | Tả Phìn, Sin Hồ, Lai Châu                                    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 166 | 202404321 | Nguyễn Ngọc     | Thoa   | 10/11/2006 | K13L3 | 13   | Nùng    | Phong Minh, Lục Ngạn, Bắc Giang                              | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 167 | 202404252 | Trần Đại        | Nghĩa  | 05/05/2006 | K13L6 | 13   | Tày     | Xóm Nà Én, Thị Trấn Thanh Nhật, Huyện Hạ Lạng, tỉnh Cao Bằng | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 168 | 202404183 | Bùi Thị Hoàng   | Lan    | 10/07/2006 | K13L3 | 13   | Mường   | Vĩnh Tiến, Kim Bôi, Hoà Bình                                 | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 169 | 202404370 | Phan Thị Khánh  | Vy     | 22/01/2006 | K13L4 | 13   | Thái    | Thị trấn Nậm Nhùn, Nậm Nhùn, Lai Châu                        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 170 | 202404133 | Trương Đức      | Hoàn   | 21/09/2006 | K13L1 | 13   | Mường   | Xóm Sào, Đa Phúc, Yên Thủy, Hoà Bình                         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 171 | 202404076 | Hoàng Thị Huyền | Diễm   | 23/10/2006 | K13L4 | 13   | Tày     | Hợp Hoà, Sơn Dương, Tuyên Quang                              | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT  | MSV       | Họ đệm        | Tên    | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc  | HKTT                             | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|-----|-----------|---------------|--------|------------|--------|------|----------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 172 | 202404154 | Lâm Thị Thu   | Hương  | 18/07/2006 | K13L4  | 13   | Nùng     | Vân An, Chi Lăng, Lạng Sơn       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 173 | 202107035 | Nông Thị Bích | Phương | 25/12/2003 | K10TLH | 10   | Nùng     | Cách Linh, Quảng Hòa, Cao Bằng   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 174 | 202103069 | Hoàng Phương  | Nhung  | 01/03/2003 | K10XH  | 10   | Tày      | Thống Nhất, Lộc Bình, Lạng Sơn   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 175 | 202103033 | Đồng Thị Minh | Hiền   | 16/10/2003 | K10XH  | 10   | Tày      | Chu Hương, Ba Bể, Bắc Kạn        | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 176 | 202103054 | Bùi Thắng     | Lợi    | 24/06/2003 | K10XH  | 10   | Mường    | Hợp Phong, Cao Phong, Hòa Bình   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 177 | 202103042 | Hồ Thị        | Hương  | 20/09/2003 | K10XH  | 10   | Vân Kiều | Linh Trường, Gio Linh, Quảng Trị | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 178 | 2021096   | Giàng Mí      | Và     | 07/08/2001 | K10XH  | 10   | Mông     | Thắng Mố, Yên Minh, Hà Giang     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 179 | 202203071 | Đinh Hương    | Ngà    | 09/05/2004 | K11XH1 | 11   | Mường    | Xuân Nha, Vân Hồ, Sơn La         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 180 | 202203045 | Lò Mạnh       | Hùng   | 06/10/2004 | K11XH1 | 11   | Thái     | Tường Thượng, Phù Yên, Sơn La    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 181 | 202203067 | Phùng Thúy    | Mur    | 01/05/2004 | K11XH1 | 11   | Hà Nhi   | Hua Bum, Nậm Nhùn, Lai Châu      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT  | MSV       | Họ đệm          | Tên   | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc | HKTT                             | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|-----|-----------|-----------------|-------|------------|--------|------|---------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 182 | 202203093 | Nguyễn Thị Thu  | Trang | 25/03/2004 | K11XH1 | 11   | Tày     | Tiên Thành, Quảng Hà, Cao Bằng   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 183 | 202203002 | Quảng Quốc      | An    | 21/08/2004 | K11XH2 | 11   | Thái    | Ít Ong, Mường La, Sơn La         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 184 | 202203028 | Lò Văn          | Dương | 22/02/2004 | K11XH2 | 11   | Thái    | Pa Tản, Sin Hồ, Lai Châu         | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 185 | 202203102 | Nông Minh       | Tuấn  | 01/02/2004 | K11XH2 | 11   | Tày     | Sỹ Bình, Bạch Thông, Bắc Kan     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 186 | 202203080 | Phượng Tài      | Quý   | 12/11/2004 | K11XH2 | 11   | Dao     | Bản Luốc, Hoàng Su Phì, Hà Giang | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 187 | 202303085 | Triệu Ích       | Mạnh  | 04/07/2005 | K12XH1 | 12   | Dao     | Phăng Sô Lin, Sin Hồ, Lai Châu   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 188 | 202303094 | Dương Thuý      | Ngân  | 20/06/2005 | K12XH1 | 12   | Nùng    | Tân Long, Đồng Hỷ, Thái Nguyên   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 189 | 202303092 | Hoàng Kiều      | Nga   | 18/10/2005 | K12XH2 | 12   | Tày     | Bình Phú, Chiêm Hoá, Tuyên Quang | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 190 | 202303099 | Nguyễn Thị Bích | Ngọc  | 08/09/2025 | K12XH3 | 12   | Giáy    | Yên Phú , Bắc Mê, Hà Giang       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 191 | 202303066 | Hồ A            | Khiêm | 13/10/2024 | K12XH3 | 12   | Giáy    | Đồng Minh, Yên Minh, Hà Giang    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT  | MSV       | Họ đệm         | Tên    | Ngày sinh  | Lớp     | Khóa | Dân tộc | HKTT                            | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|-----|-----------|----------------|--------|------------|---------|------|---------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 192 | 202307202 | Trịnh Bảo      | Nhi    | 14/04/2005 | K12TLH1 | 12   | Tày     | Minh An, Văn Chấn, Yên Bái      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 193 | 202307047 | Bùi Thị        | Diễm   | 18/01/2005 | K12THL2 | 12   | Tày     | Yên Phú, Bắc Mê, Hà Giang       | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 194 | 202307190 | Lý Thị Thảo    | Nguyên | 28/06/2005 | K12TLH4 | 12   | Tày     | Trường Sơn, Lục Nam, Bắc Giang  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 195 | 202403320 | Lương Thị      | Bích   | 07/03/2006 | K13XH1  | 13   | Nùng    | Cải Viên, Hà Quảng, Cao Bằng    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 196 | 202403131 | Vi Thị Phương  | Lan    | 20/05/2006 | K13XH1  | 13   | Tày     | Tam Gia, Lộc Bình, Lạng Sơn     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 197 | 202403086 | Đinh Thị Quỳnh | Hoa    | 26/10/2006 | K13XH1  | 13   | Mường   | Vĩnh Tiến, Kim Bôi, Hòa Bình    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 198 | 202403166 | Tô Thị Khánh   | Ly     | 13/08/2006 | K13XH1  | 13   | Tày     | Quảng Hưng, Quảng Hoà, Cao Bằng | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 199 | 202403269 | Lù Huyền       | Trâm   | 21/02/2006 | K13XH4  | 13   | La Chí  | Bản Máy, Hoàng Su Phì, Hà Giang | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 200 | 202403234 | Triệu Thị      | Sen    | 20/04/2006 | K13XH4  | 13   | Dao     | Thuần Mang, Ngân Sơn, Bắc Kạn   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 201 | 202403139 | Hoàng Diệu     | Linh   | 09/08/2006 | K13XH4  | 13   | Tày     | Sơn Thịnh, Văn Chấn, Yên Bái    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

| TT  | MSV        | Họ đệm     | Tên   | Ngày sinh  | Lớp       | Khóa | Dân tộc | HKTT                            | Đối tượng                                                                                                                                                       |
|-----|------------|------------|-------|------------|-----------|------|---------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 202 | 202403260  | Bùi Mai    | Thùy  | 16/01/2006 | K13XH5    | 13   | Mường   | Vũ Bình, Lạc Sơn, Hòa Bình      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 203 | 202403125  | Lò Trung   | Kiên  | 01/11/2006 | K13XH5    | 13   | Thái    | Mường Lạn, Mường Áng, Điện Biên | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 204 | 202407103  | Chảo Thị   | Sính  | 01/08/2006 | K13TLH1   | 13   | Dao     | A Lù, Bát Xát, Lào Cai          | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 205 | 202407102  | Nịnh Thị   | Vinh  | 04/10/2006 | K13TLH1   | 13   | Nùng    | Thượng Thôn, Hà Quảng, Cao Bằng | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 206 | 202407006  | Hà Minh    | Ánh   | 01/08/2006 | K13TLH2   | 13   | Mường   | Kiệt Sơn, Tân Sơn, Phú Thọ      | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 207 | 202407098  | Đinh Thị   | Vân   | 18/01/2006 | K13TLH2   | 13   | Mường   | Thắng Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ   | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 208 | 202402159  | K'         | Luyện | 24/12/2002 | K13L-PHMN | 13   | Mạ      | Đắk Som, Đắk Glong, Đắk Nông    | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |
| 209 | 2024020192 | Đỗ Thị Yến | Thư   | 27/05/2006 | K13L-PHMN | 13   | Khmer   | Tuần Túc, Thạnh Trị, Sóc Trăng  | Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo |

**MIỄN 50%**

|   |           |                 |       |            |       |    |      |                                |                                                                                                                                       |
|---|-----------|-----------------|-------|------------|-------|----|------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | 202101070 | Nguyễn Bảo      | Trung | 29/01/2003 | K10D  | 10 | Kinh | Thanh Nưa, Điện Biên, Lai Châu | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 2 | 202105082 | Nguyễn Văn Ngọc | Sinh  | 10/01/2003 | K10NN | 10 | Kinh | Dầu Giây, Thống Nhất, Đồng Nai | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |

| TT | MSV       | Họ đệm            | Tên   | Ngày sinh  | Lớp    | Khóa | Dân tộc | HKTT                             | Đối tượng                                                                                                                             |
|----|-----------|-------------------|-------|------------|--------|------|---------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3  | 202301050 | Trần Nguyễn Quang | Lâm   | 08/04/2005 | K12D2  | 12   | Kinh    | thị trấn Lâm, Ý Yên, Nam Định    | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 4  | 202401015 | Phạm Thị Ngọc     | Anh   | 15/01/2006 | K13D1  | 13   | Kinh    | Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội          | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 5  | 202405042 | Đoàn Thị Phụng    | Hà    | 09/01/2006 | K13NN1 | 13   | Kinh    | Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội     | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 6  | 202106216 | Nguyễn Khánh      | Linh  | 22/07/2003 | K10CC3 | 10   | Kinh    | Lê Lợi, TP. Bắc Giang, Bắc Giang | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 7  | 202306181 | Phạm Thị Linh     | Hương | 16/10/2005 | K12CC2 | 12   | Kinh    | Nga Hải, Nga Sơn, Thanh Hóa      | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 8  | 202306199 | Nguyễn Thu        | Huyền | 06/01/2005 | K12CC5 | 12   | Kinh    | P. Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh  | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 9  | 202306344 | Phan Thị Thanh    | Nhàn  | 18/02/2005 | K12CC7 | 12   | Kinh    | Hưng Thông, Hưng Nguyên, Nghệ An | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 10 | 202306084 | Phạm Thị Kiều     | Chinh | 22/09/2004 | K12CC8 | 12   | Kinh    | Chi Lăng, Lạng Sơn, Lạng Sơn     | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 11 | 202406036 | Vũ Thị Thu        | Hiền  | 06/08/2006 | K13CC1 | 13   | Kinh    | Thống Kênh, Gia Lộc, Hải Dương   | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 12 | 202104186 | Nguyễn Hữu        | Minh  | 01/03/2003 | K10L6  | 10   | Kinh    | Đông Hương, Thanh Hoá            | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 13 | 202204080 | Nguyễn Thanh      | Đức   | 28/08/2004 | K11L5  | 11   | Kinh    | Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội     | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 14 | 202304248 | Đào Kim           | Nhung | 30/04/2005 | K12L1  | 12   | Kinh    | Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh   | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 15 | 202304134 | Nguyễn Quỳnh      | Hương | 14/12/2005 | K12L5  | 12   | Kinh    | Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh     | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 16 | 202404361 | Nguyễn Thị Mai    | Uyên  | 11/04/2006 | K13L1  | 13   | Kinh    | Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh  | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |

| TT | MSV       | Họ đệm        | Tên   | Ngày sinh  | Lớp     | Khóa | Dân tộc | HKTT                            | Đối tượng                                                                                                                             |
|----|-----------|---------------|-------|------------|---------|------|---------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17 | 202107009 | Hoàng Thị Yến | Chi   | 20/11/2003 | K10TLH  | 10   | Kinh    | Minh Tân, Cẩm Khê, Phú Thọ      | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 18 | 202307249 | Dương Thị     | Trà   | 08/09/2005 | K12TLH1 | 12   | Kinh    | Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội       | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 19 | 202403106 | Đỗ Thị        | Hường | 29/03/2006 | K13XH1  | 13   | Kinh    | Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |
| 20 | 202403080 | Chu Thị       | Hiền  | 18/03/2006 | K13XH5  | 13   | Kinh    | An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội      | Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên |

**Danh sách báo gồm: 131 sinh viên được miễn 100% học phí  
209 sinh viên được giảm 70% học phí  
20 sinh viên được giảm 50% học phí./.**